

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 2

*Báo cáo Tài chính cho giai đoạn
từ 01/02/2008 đến 31/12/2008
đã được kiểm toán*

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 2

Địa chỉ: Thị trấn Kiên Lương – huyện Kiên Lương – tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo Tài chính	
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 22

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 2

Địa chỉ: Thị trấn Kiên Lương – huyện Kiên Lương – tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Xi măng Hà Tiên 2 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ 01/02/2008 đến 31/12/2008.

Công ty

Công ty Cổ Phần Xi măng Hà Tiên 2 là Công ty được thành lập từ việc cổ phần hoá Công ty Xi măng Hà Tiên 2, Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam theo Quyết định số 1405/QĐ-XMVN ngày 15/08/2007 của Tổng công ty xi măng Việt Nam về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty xi măng Hà Tiên 2 và Quyết định số 25/QĐ-XMVN ngày 14/01/2008 của Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam về việc điều chỉnh phương án cổ phần hóa Công ty xi măng Hà Tiên 2.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56-03-000124, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008 và số 1700101407 đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 18 tháng 11 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất xi măng
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp, hệ thống xây dựng khác
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ, bằng đường thuỷ nội địa, ven biển
- Buôn bán xi măng
- Bán buôn vật liệu, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện...
- Sửa chữa máy móc, thiết bị.

Trụ sở chính của Công ty tại thị trấn Kiên Lương - huyện Kiên Lương - tỉnh Kiên Giang.

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty CP Xi măng Hà Tiên 2 - Xi nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ	Quốc lộ 80, ấp Lò Bom, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty CP Xi măng Hà Tiên 2	Lầu 3, số 9 – 19 Hồ Tùng Mậu - quận 1 – TP Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty CP Xi măng Hà Tiên 2 – Trạm nghiền Long An	Khu công nghiệp Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An
Ban quản lý Dự án Hà Tiên 2	Quốc lộ 80, ấp Lò Bom, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông : Lý Tân Huệ	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông : Trần Duy Sơn	Thành viên
Ông : Cái Hồng Thu	Thành viên
Ông : Nguyễn Quyết Chiến	Thành viên
Ông : Lưu Văn Nhựt	Thành viên
Ông : Trịnh Thanh Cần	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông : Trần Duy Sơn	Giám đốc
Ông : Nguyễn Văn Tương	Phó Giám đốc
Ông : Cái Hồng Thu	Phó Giám đốc
Ông : Phạm Văn Thông	Phó Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 2

Địa chỉ: Thị trấn Kiên Lương – huyện Kiên Lương – tỉnh Kiên Giang

Các thành viên của Ban Kiểm soát gồm:

Ông :	Phạm Đức Trung	Trưởng ban
Ông :	Phạm Mạnh Hùng	Thành viên
Ông :	Hoàng Anh Tuấn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại 31/12/2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ 01/02/2008 đến 31/12/2008, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Kiên Giang, ngày 23 tháng 02 năm 2009

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc

Trần Duy Sơn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
*Về Báo cáo Tài chính giai đoạn từ 01/02/2008 đến 31/12/2008 của
Công ty Cổ Phần Xi măng Hà Tiên 2*

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Xi măng Hà Tiên 2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Xi măng Hà Tiên 2 được lập ngày 20/02/2009 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/02/2008 đến 31/12/2008 được trình bày từ trang 05 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Xi măng Hà Tiên 2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong giai đoạn từ 01/02/2008 đến 31/12/2008, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2009

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán
Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Thanh Tùng
Chứng chỉ KTV số: Đ.0063/KTV

Hoàng Anh Tuấn
Chứng chỉ KTV số: 0940/KTV

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/02/2008 đến 31/12/2008

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Xi măng Hà Tiên 2 là Công ty được thành lập từ việc cổ phần hoá Công ty Xi măng Hà Tiên 2, Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam theo Quyết định số 1405/QĐ-XMVN ngày 15/08/2007 của Tổng công ty xi măng Việt Nam về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty xi măng Hà Tiên 2 và Quyết định số 25/QĐ-XMVN ngày 14/01/2008 của Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam về việc điều chỉnh phương án cổ phần hóa Công ty xi măng Hà Tiên 2.

Trụ sở chính của Công ty tại thị trấn Kiên Lương - huyện Kiên Lương - tỉnh Kiên Giang.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty CP Xi măng Hà Tiên 2- Xi nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ	Quốc lộ 80, ấp Lò Bom, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	Buôn bán Xi măng, vật liệu, máy móc thiết bị, vận tải hàng hoá
Chi nhánh Công ty CP Xi măng Hà Tiên 2	Lầu 3, số 9 – 19 Hồ Tùng Mậu - quận 1 – TP Hồ Chí Minh	Buôn bán Xi măng, vật liệu, máy móc thiết bị, vận tải hàng hoá
Chi nhánh Công ty CP Xi măng Hà Tiên 2- Trạm nghiền Long An	Khu công nghiệp Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An	
Ban quản lý Dự án Hà Tiên 2	Quốc lộ 80, ấp Lò Bom, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất xi măng
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp, hệ thống xây dựng khác
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ, bằng đường thủy nội địa, ven biển
- Buôn bán xi măng
- Bán buôn vật liệu, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện...
- Sửa chữa máy móc, thiết bị.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Văn phòng Công ty (bộ phận sản xuất kinh doanh) và các đơn vị trực thuộc là Ban quản lý Dự án Trạm nghiên cứu Xi măng Hà Tiên 2 - Long An và Ban quản lý Dự án Xi măng Hà Tiên 2 thực hiện hạch toán kế toán lập báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính của Ban quản lý dự án Trạm nghiên cứu Xi măng Hà Tiên 2 - Long An và Ban quản lý Dự án Xi măng Hà Tiên 2 được lập phù hợp với Chế độ kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư theo Quyết định số 214/2000/QĐ-BTC ngày 28/12/2000 của Bộ Tài chính.

Bảng cân đối kế toán của Công ty được lập trên cơ sở cộng các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán của bộ phận sản xuất kinh doanh, Ban quản lý Dự án Trạm nghiên cứu Xi măng Hà Tiên 2 - Long An và Ban quản lý Dự án Xi măng Hà Tiên 2 sau khi đã loại trừ các khoản phải thu, phải trả nội bộ và các giao dịch liên quan đến tài sản, nguồn vốn điều chuyển nội bộ trong Công ty.

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Do Công ty chính thức chuyển sang Công ty cổ phần từ ngày 01/02/2008, nên Báo cáo tài chính năm 2008 được lập từ ngày 01/02/2008 đến ngày 31/12/2008.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Hai ban quản lý Dự án áp dụng chế độ kế toán cho đơn vị chủ đầu tư theo Quyết định số 214/2000/QĐ-BTC ngày 28/12/2000 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

Nguyên tắc xác định các khoản tiền, tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty bao gồm: Đất sét, đá dăm, bùn xi măng, bột sòng, clinker và xi măng bột. Số lượng sản phẩm dở dang được xác định theo số lượng kiểm kê cuối năm, giá trị dở dang được xác định căn cứ vào số lượng được kiểm kê nhân với giá tồn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá thành sản phẩm xi măng bao được xác định theo phương pháp tính giá thành phân bước có tính giá bán thành phẩm.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được xác định theo phương pháp đường thẳng theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Một số tài sản được điều chỉnh khấu hao theo công văn số 1759/BTC-TCĐN ngày 26 tháng 12 năm 2007 của Cục trưởng Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5-25 năm
- Máy móc, thiết bị	6 năm
- Phương tiện vận tải	6 năm
- Thiết bị văn phòng	3 năm

Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí tài được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Lãi tiền vay
- Chiết khấu thanh toán
- Chi phí tài chính khác

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . TIỀN

	31/12/2008	01/02/2008
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	210.494.118	210.866.105
Tiền gửi ngân hàng	115.072.817.014	131.031.852.325
- Tiền gửi VND	114.982.383.518	131.014.477.501
- Tiền gửi Ngoại tệ	90.433.496	17.374.824
Các khoản tương đương tiền	90.129.904.198	185.335.500.000
	205.413.215.330	316.578.218.430

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2008	01/02/2008
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm	4.220.726.309	4.220.726.309
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-
	4.220.726.309	4.220.726.309

Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm: Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và cuối mỗi kỳ Công ty thoả thuận với Ngân hàng V/v gia hạn gửi tiếp theo kỳ hạn này

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2008	01/02/2008
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	-	45.000.000
Phải thu khác	301.669.412	307.404.656
	301.669.412	352.404.656

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2008	01/02/2008
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	38.181.812.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	369.415.290.764	351.861.848.770
Công cụ, dụng cụ	460.019.657	805.706.482
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	28.931.157.186	15.786.735.953
Thành phẩm	-	1.490.922.794
Cộng giá gốc hàng tồn kho	436.988.279.607	369.945.213.999

7. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	TSCĐ khác	Cộng
I Nguyên giá TSCĐ						
1 Số dư đầu kỳ	458.856.332.964	898.521.803.470	66.107.468.319	10.958.470.589	809.410.797	1.435.253.486.139
2 Số tăng trong kỳ	21.570.417.877	385.571.679.311	5.371.427.916	2.966.967.141	-	415.480.492.245
- Mua sắm mới	297.813.636	5.290.232.658	5.371.427.916	2.966.967.141	-	13.926.441.351
- Xây dựng mới	21.272.604.241	380.281.446.653	-	-	-	401.554.050.894
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3 Số giảm trong kỳ	2.906.070.218	501.242.855	-	597.384.404	-	4.004.697.477
- Thanh lý	2.906.070.218	501.242.855	-	597.384.404	-	4.004.697.477
- Giảm do điều chuyển	-	-	-	-	-	-
4 Số cuối kỳ	477.520.680.623	1.283.592.239.926	71.478.896.235	13.328.053.326	809.410.797	1.846.729.280.907
II Giá trị hao mòn lũy kế						
1 Số đầu kỳ	301.375.387.085	701.086.567.751	44.111.144.307	6.701.555.286	776.904.004	1.054.051.558.433
2 Khấu hao trong kỳ	18.998.314.383	51.956.799.682	6.116.161.613	1.909.577.171	32.506.793	79.013.359.642
3 Giảm trong kỳ	2.906.070.218	501.242.855	-	597.384.404	-	4.004.697.477
- Thanh lý	2.906.070.218	501.242.855	-	597.384.404	-	4.004.697.477
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4 Số cuối kỳ	317.467.631.250	752.542.124.578	50.227.305.920	8.013.748.053	809.410.797	1.129.060.220.598
III Giá trị còn lại						
1 Tại ngày đầu kỳ	157.480.945.879	197.435.235.719	21.996.324.012	4.256.915.303	32.506.793	381.201.927.706
2 Tại ngày cuối kỳ	160.053.049.373	531.050.115.348	21.251.590.315	5.314.305.273	-	717.669.060.309

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng

7.584.215.371

Tại thời điểm 1/10/2008 Công ty tăng nguyên giá TSCĐ là dự án "Chuyển đổi nhiên liệu đốt từ dầu sang than" với giá trị tạm tính là: 380.281.446.653 VND, đây là tài sản dùng để đảm bảo khoản vay vốn thực hiện dự án; tuy nhiên do là giá trị tạm tính nên Công ty tạm phân loại tài sản này vào phần máy móc thiết bị. Do đó giá trị và khung khấu hao của các chi tiết TSCĐ hữu hình cùng với việc phân loại tài sản sẽ bị thay đổi khi có quyết định phê duyệt tổng giá trị của dự án cũng như chi tiết các hạng mục của dự án.

8. TĂNG, GIẢM TSCĐ VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hoá	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	380.476.000	-	-	129.854.000	510.330.000
Số tăng trong kỳ	954.876.150	-	-	-	954.876.150
- Mua sắm trong kỳ	954.876.150	-	-	-	954.876.150
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.335.352.150	-	-	129.854.000	1.465.206.150
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	380.476.000	-	-	50.997.926	431.473.926
Khấu hao trong kỳ	344.381.563	-	-	37.713.775	382.095.338
- Khấu hao trong kỳ	344.381.563	-	-	37.713.775	382.095.338
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Thanh lý	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	724.857.563	-	-	88.711.701	813.569.264
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	78.856.074	78.856.074
Tại ngày cuối kỳ	610.494.587	-	-	41.142.299	651.636.886

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2008	01/02/2008
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	-	-
Xây dựng cơ bản	234.598.281.468	189.508.546.434
- Dự án chuyển đổi nhiên liệu từ Dầu sang than	-	79.602.561.218
- Dự án kiến thiết mỏ sét	-	18.679.350.385
- Dự án xây lắp hệ thống lọc bụi túi	-	522.356.674
- Dự án nhà văn phòng và lưu trữ hồ sơ	-	1.654.504.247
- Dự án Hà Tiên 2.2	57.559.669.021	14.285.242.212
- Dự án trạm nghiền xi măng Hà Tiên 2 -Long An	170.899.539.581	74.583.585.727
- Các công trình khác tại VP	6.139.072.866	180.945.971
Sửa chữa lớn tài sản cố định	56.995.154	2.589.073.866
	<u>234.655.276.622</u>	<u>192.097.620.300</u>

Thông tin về các dự án lớn đang dở dang cuối kỳ

- Dự án Hà Tiên 2.2

+ Tổng dự toán được duyệt: 3.040.220.000.000 VND

- Trong đó:* - Chi phí xây dựng là: 699.860.000.000 VND
 - Chi phí thiết bị, lắp đặt: 1.349.880.000.000 VND
 - Chi phí QLDA và chi phí khác: 333.770.000.000 VND
 - Vốn lưu động, dự phòng phí: 261.960.000.000 VND

+ Chủ đầu tư: Công ty Cổ Phần Xi măng Hà Tiên 2.

+ Địa điểm: Thị trấn Kiên Lương - Kiên Lương - Kiên Giang.

+ Mục tiêu: Đáp ứng nhu cầu tiêu thụ xi măng Hà Tiên 2 trên thị trường Tây Nam Bộ

+ Quy mô đầu tư: Xây dựng dây chuyền sản xuất Clinker với công suất 1.260.000 tấn/năm, nghiền và đóng bao xi măng với công suất 600.000 tấn/năm.

+ Công nghệ, kỹ thuật: Công nghệ sản xuất xi măng bằng lò quay theo phương pháp khô.

+ Cơ cấu vốn: 13% vốn tự có, 87% vốn vay.

+Tiến độ thực hiện: 42 tháng.

- Dự án trạm nghiền xi măng Hà Tiên 2 -Long An

+ Tổng dự toán được duyệt: 531.409.938.801VND

- Trong đó:* - Chi phí xây dựng là: 191.708.310.206 VND
 - Chi phí thiết bị, lắp đặt: 244.275.671.310 VND
 - Chi phí QLDA và chi phí khác: 69.339.458.956 VND
 - Vốn lưu động, dự phòng phí: 26.086.458.329 VND

+ Chủ đầu tư: Công ty Cổ Phần Xi măng Hà Tiên 2.

+ Địa điểm: Cụm CN Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

+ Mục tiêu: Đáp ứng nhu cầu tiêu thụ xi măng Hà Tiên 2 trên thị trường Tây Nam Bộ.

+Quy mô đầu tư: Xây dựng dây chuyền nghiền xi măng đồng bộ với công suất 500.000 tấn/năm.

+ Công nghệ, kỹ thuật: Công nghệ sản xuất và thiết bị hiện đại, tiên tiến xuất xứ từ EU, G7, Thụy Sĩ.

+ Cơ cấu vốn: 30% vốn tự có, 70% vốn vay.

+Tiến độ thực hiện: 30 tháng.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2008	01/02/2008
	VND	VND
Tiền đặt mua báo	38.605.047	19.661.882
Tiền mua bảo hiểm xe ô tô và xà lan	4.704.000	137.873.207
Lợi thế thương mại	72.000.000.000	80.250.000.000
	<u>72.043.309.047</u>	<u>80.407.535.089</u>

Lợi thế thương mại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại 31/12/2006 là 90.000.000.000 VND được phân bổ cho 10 năm theo phương pháp đường thẳng

11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2008	01/02/2008
	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	69.469.884.000	34.647.214.157
	69.469.884.000	34.647.214.157

Chi tiết Nợ dài hạn đến hạn trả tại 31/12/2008

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Bên cho vay	Nợ dài hạn đến hạn trả
05240090	21/10/2005	Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	69.469.884.000
			69.469.884.000

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2008	01/02/2008
	VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	20.018.546.315	2.954.539.540
Thuế thu nhập doanh nghiệp	39.871.970.329	13.280.357.423
Thuế thu nhập cá nhân	661.427.219	33.964.313
Thuế tài nguyên	735.722.644	77.531.377
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	119.221.935
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	780.229.689	248.501.640
	62.067.896.196	16.714.116.228

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về quyết toán thuế với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2008	01/02/2008
	VND	VND
Trích trước chi phí đại tu lò (gạch chịu lửa)	-	1.339.851.910
Trích trước chi phí sửa máy nghiền (bi đạn)	-	796.931.387
Trích trước chi phí sửa chữa lớn	-	3.206.395.088
Trích trước chi phí ký quỹ phục hồi môi trường	138.948.289	138.948.289
Trích trước chi phí khuyến mại xi măng	5.077.561.428	-
Chi phí bốc xếp vỡ bao xi măng	142.622.443	-
Chi phí lãi vay dự án than dầu	273.564.152	-
Chi phí đề tài pha đá vôi	7.450.000.000	-
Chi phí phải trả khác	320.959.272	338.159.743
	13.403.655.584	5.820.286.417

Khoản trích trước chi phí đề tài pha đá vôi dựa trên Công văn số 1767/XMVN-KTTK ngày 08/10/1999 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xi măng (nay là Tổng Công ty CN Xi măng Việt Nam) v/v *Triển khai xây dựng quy chế thưởng từ nguồn chi phí sản xuất kinh doanh.*

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	31/12/2008	01/02/2008
	VND	VND
Bảo hiểm y tế	-	79.248.555
Bảo hiểm xã hội	-	528.383.162
Kinh phí công đoàn	658.420.054	781.220.889
Phải trả về cổ phần hoá	20.715.000	110.035.101.602
Các khoản phải trả, phải nộp khác	76.778.252.789	75.795.065.977
	<u>77.457.387.843</u>	<u>187.230.962.965</u>

Các khoản phải trả, phải nộp khác ở cuối các kỳ kế toán chủ yếu là các khoản vay mượn Clinker của các đơn vị khác để thực hiện gia công nghiền xi măng. Số cuối năm 2008 bao gồm cả tức tạm ứng đợt 1 phải trả cho Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam.

15 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2008	01/02/2008
	VND	VND
Vay dài hạn	636.043.043.391	428.728.002.598
- Vay ngân hàng	636.043.043.391	428.728.002.598
- Vay các đối tượng khác	-	-
Nợ dài hạn	-	-
	<u>636.043.043.391</u>	<u>428.728.002.598</u>

Chi tiết số dư vay dài hạn ngân hàng tại thời điểm 31/01/2008

<i>Số hợp đồng</i>	<i>Ngày hợp đồng</i>	<i>Ngân hàng</i>	<i>Thời hạn vay</i>	<i>Số dư Vay dài hạn tại 31/12/2008</i>	<i>Trong đó, đến hạn trả năm 2008</i>
07690095/ HĐTĐ	12/06/2007	NH Công thương VN - CN Kiên Giang	156 tháng	175.400.136.666	-
05240090	21/10/2005	NH Công thương VN - CN Kiên Giang	60 tháng	173.691.687.169	69.469.884.000
01/2006/HĐT N	02/09/2006	NH Phát triển Kiên Giang	144 tháng	4.727.654.153	-
02/2006/NHN T	28/03/2006	NH Ngoại thương VN - CN Kiên Giang	96 tháng	189.987.450.750	-
01/2006/NHN T	28/03/2006	NH Ngoại thương VN - CN Kiên Giang	96 tháng	118.937.826.733	-
Export credit agreement	01/11/2008	NH Calyon - CN TPHCM	120 tháng	42.768.171.920	-
				<u>705.512.927.391</u>	<u>69.469.884.000</u>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	%	Đầu kỳ	%
Vốn góp của Nhà nước	608.749.510.000	69,18	608.749.510.000	69,18
Vốn góp của các đối tượng khác	271.250.490.000	30,82	271.250.490.000	30,82
- Do pháp nhân nắm giữ	186.174.700.000	21,16	171.126.430.000	19,45
- Do thể nhân nắm giữ	85.075.790.000	9,66	100.124.060.000	11,37
Cộng	880.000.000.000	100%	880.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Từ 01/02/2008 đến 31/12/2008

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
+ Vốn góp đầu năm	880.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-
+ Vốn góp cuối kỳ	880.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia (năm 2008)	16.275.029.400

d) Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	88.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	88.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	88.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
- Cổ phiếu phổ thông	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	88.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	88.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng / Cổ phiếu)	10.000 đồng/cổ phiếu

e) Các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ Đầu tư phát triển	-
Quỹ Dự phòng tài chính	-
Quỹ khác thuộc vốn CSH	-

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Từ 01/02/08 đến 31/12/08

	VND
Doanh thu bán hàng	1.250.744.386.314
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.152.575.953
	1.258.896.962.267

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Từ 01/02/08 đến 31/12/08

	VND
Giá vốn bán hàng	978.507.290.537
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.159.031.615
	980.666.322.152

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Từ 01/02/08 đến 31/12/08

	VND
Lãi tiền gửi	16.610.354.243
Doanh thu tài chính khác	172.416.835
	16.782.771.078

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/02/08 đến 31/12/08
	VND
Chiết khấu thanh toán	1.999.808.150
Lãi tiền vay	4.533.618.174
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.775.032.371
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	23.452.702.945
	31.761.161.640

21 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/02/08 đến 31/12/08
	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	52.128.605.415
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN	-
	52.128.605.415

22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/02/08 đến 31/12/08
	VND
Lợi nhuận sau thuế	110.344.282.406
Trừ:	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-
- ...	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	110.344.282.406
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	88.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.254

23 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/02/08 đến 31/12/08
	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	670.928.614.875
Chi phí nhân công	102.499.472.110
Chi phí khấu hao tài sản cố định	79.013.359.642
Chi phí dịch vụ mua ngoài	140.384.612.331
Chi phí khác bằng tiền	91.312.491.872
	1.084.138.550.830

24 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Số liệu dư đầu kỳ

Số dư đầu kỳ được lấy theo biên bản bàn giao từ Công ty Xi măng Hà Tiên 2 sang Công ty Cổ Phần Xi măng Hà Tiên 2 tại ngày 01/02/2008 khi Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 1106/QĐ-XMVN ngày 19/8/2008 của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để bàn giao vốn, tài sản từ Công ty Nhà nước (Công ty Xi măng Hà Tiên 2) sang Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 2 tại thời điểm 0 giờ ngày 01/02/2008.

Kiên Giang, ngày 20 tháng 02 năm 2009

Người lập biểu

Trưởng Phòng kế toán

Giám đốc

Trần Thị Trúc Mai

Nguyễn Quyết Chiến

Trần Duy Sơn

16.VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối
Số dư đầu kỳ	880.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong kỳ	-	1.844.957.699	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	110.344.282.406
Tăng khác	-	-	-	26.010.369.504	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	26.010.369.504	-	-	-	52.800.000.000
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	880.000.000.000	1.844.957.699	-	-	-	-	-	57.544.282.406